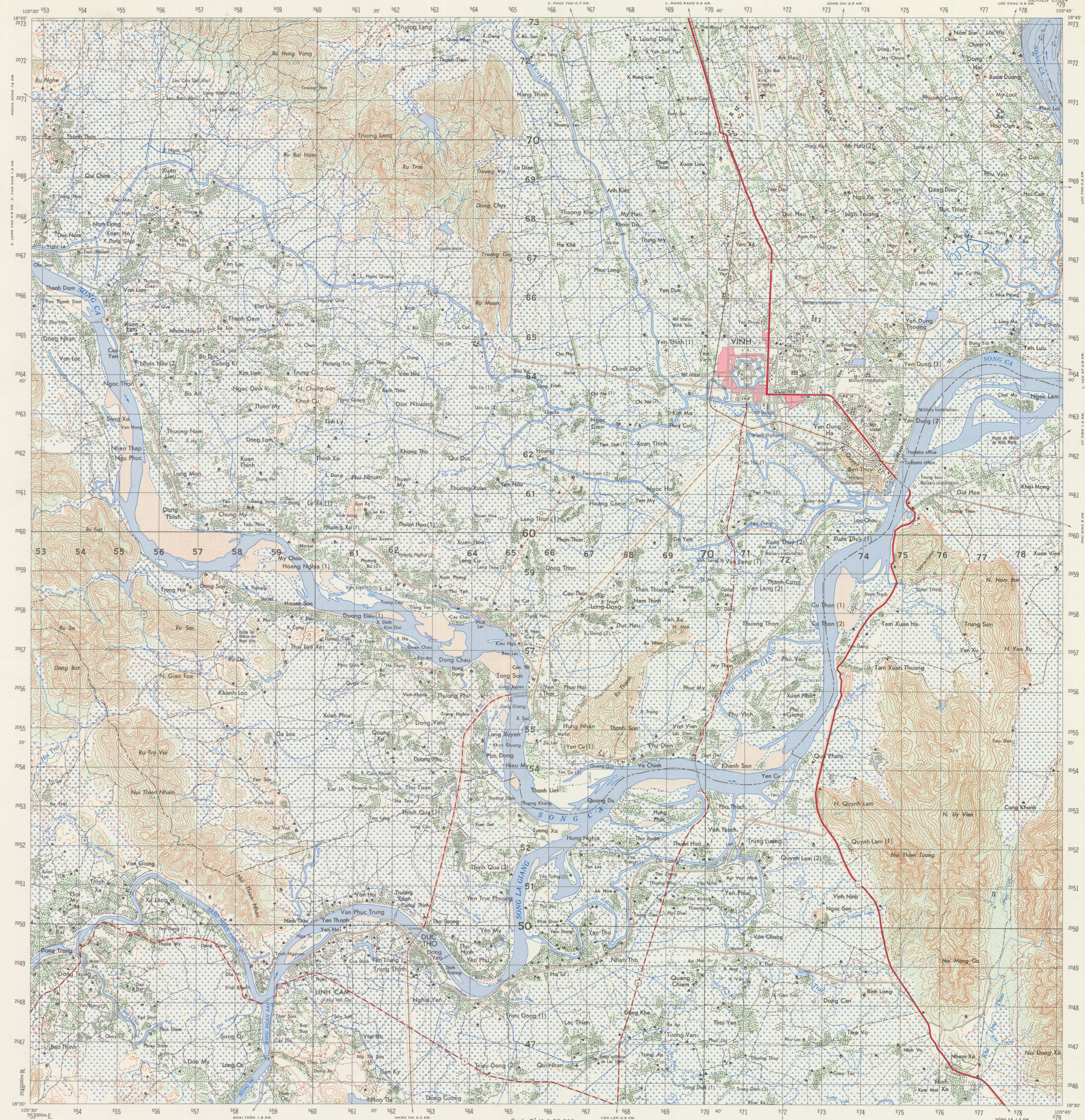
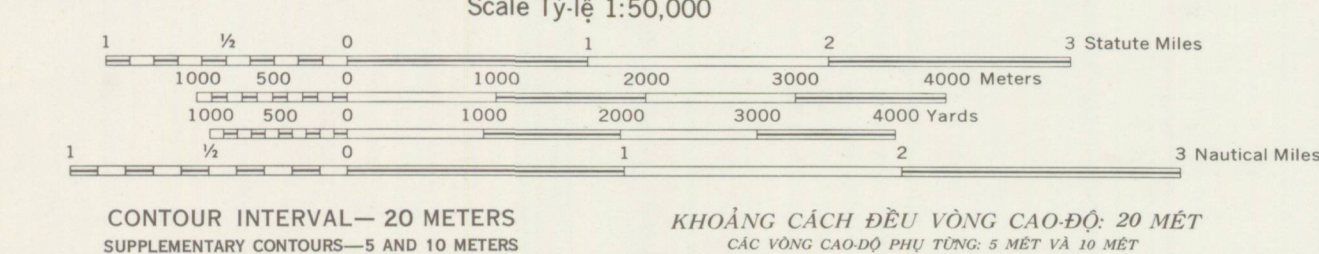




LEGEND — CHÚ GIẢI
 MAP INFORMATION AS OF 1966
 BẢN ĐỒ TỈNH NĂM 1966
 On this map a 1:60,000 scale is considered as being a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width
 Trên bản đồ này một LỖI XE ĐI đã được coi như rộng ít nhất là 2,4 mét
 The number in parentheses following a village name indicates that more than one village is so named.
 Con số trong ngoặc theo tên ngôi làng cho thấy tên làng chỉ riêng một làng có mang tên đó
 Closed canopy indicates 75% or more of ground area is concealed under a dense cover
 Vòm cây kín chỉ riêng cây bao phủ mặt đất trên 75% hay hơn và mặt đất phía dưới mặt bao phủ kín
 Cây bao phủ mặt đất trên 75% tới 95% và mặt đất phía dưới mặt bao phủ không bằng phẳng
 Open canopy
 Vòm cây thưa
 Brushwood
 Rêu rậm
 Plantation
 Đồn điền
 Nipa; Mangrove
 Đất nước; Cây lùn
 Bridge
 Cầu
 Footbridge
 Cầu nhỏ
 Ferry
 Phà
 Cold rice
 Lúa nếp
 Large rapid
 Chảy chảy mạnh
 Large fall
 Thác lớn
 Small falls
 Thác nhỏ
 Falls
 Thác



SPHEROID	EVEREST	KHOI BẦU ĐỤC	EVEREST
GRID	1,000 METER UTM: ZONE 48 (BLACK NUMBERED LINES)	Ơ VUÔNG	UTM TỪNG 1,000 MÉT KHU HÌNH THOI 48
PROJECTION	TRANSVERSE MERCATOR		(NHÔNG ĐƯỜNG CỎ GHI SỐ ĐẾN)
VERTICAL DATUM	APPROXIMATE MEAN SEA LEVEL	HỆ THỐNG CHIẾU	PH. M.
HORIZONTAL DATUM	INDIAN DATUM 1960	BÌNH ĐỊNH CHUẨN	MẶT BIỂN TRUNG BÌNH PHONG CHUẨN
		HỆ THỐNG TRẮC CẦU CHUẨN	HỆ THỐNG TRẮC CẦU ANO, 1960

REFER CORRECTIONS TO THIS MAP TO COMMANDING
OFFICER, ARMY MAP SERVICE, WASHINGTON, D. C.

PREPARED BY AMS (AM), U. S. ARMY, 1967
CONTROL BY SERVICE GÉOGRAPHIQUE DE L'INDOCHINE
COASTAL HYDROGRAPHY FROM NAVOCEANO CHARTS
.....

THE DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES ON THIS MAP IS APPROXIMATE
RANH GIỚI HÀNH-CHÁNH TRÊN BẢN-ĐỒ NÀY CHỈ PHÁC-HOẠ VỚI TÍNH-CÁCH ĐẠI-CƯƠNG

GLOSSARY - CỎ TỪ		
An		village
Chợ		market
Đ		village
Hỏi		stream
Khách		caul
Khe		stream
N. Núi		mountain
Phường		village
Rào		stream
Ru		hill
Sông		stream
X. Xóm		village

